

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TRẦN THỊ TUYỀN

**CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG
HIỆN NAY**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TRẦN THỊ TUYỀN

**CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG
HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 9229001

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Người hướng dẫn khoa học : PGS. TS Mai Đức Ngọc

TS. Tạ Thị Thuý Ngân

HÀ NỘI - 2026

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn lựa đề tài

Giáo dục đạo đức (GDĐĐ) cho sinh viên (SV) trong các cơ sở giáo dục đại học là một nội dung cốt lõi của giáo dục con người phát triển toàn diện, có ý nghĩa nền tảng trong việc hình thành nhân cách, định hướng giá trị, thái độ và hành vi xã hội của đội ngũ trí thức trẻ - lực lượng trực tiếp tham gia và quyết định chất lượng nguồn nhân lực quốc gia trong tương lai. Trong mọi giai đoạn phát triển của xã hội, đặc biệt trong bối cảnh hiện đại hóa (HĐH), hội nhập quốc tế (HNQT) và kinh tế thị trường (KTTT), đạo đức luôn giữ vai trò “trụ cột tinh thần” bảo đảm cho sự phát triển bền vững của cá nhân và cộng đồng. Vì vậy, bảo đảm chất lượng GDĐĐ cho SV không chỉ là yêu cầu của giáo dục đại học mà còn là vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển đất nước.

Về phương diện lý luận, GDĐĐ trong giáo dục đại học là một lĩnh vực nghiên cứu mang tính liên ngành, gắn với triết học, đạo đức học, giáo dục học, tâm lý học và xã hội học. Các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam đều khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của đạo đức trong việc hình thành con người mới, trong đó giáo dục giữ vai trò quyết định nhưng phải gắn với tự giáo dục và môi trường xã hội. Tuy nhiên, trong nghiên cứu khoa học hiện nay, khái niệm “chất lượng giáo dục đạo đức” vẫn chưa được thống nhất về nội hàm và tiêu chí đánh giá; nhiều công trình mới dừng lại ở việc bàn về nội dung, phương thức hoặc giải pháp GDĐĐ nói chung, chưa xây dựng được khung lý luận tương đối hoàn chỉnh để đánh giá chất lượng GDĐĐ trong nhà trường đại học một cách hệ thống. Khoảng trống này đặt ra yêu cầu cần có nghiên cứu chuyên sâu, làm rõ bản chất, cấu trúc và các tiêu chí đánh giá chất lượng GDĐĐ cho SV trong bối cảnh mới.

Về phương diện thực tiễn, quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW đã đặt GDĐĐ vào vị trí trung tâm của giáo dục đại học, coi đạo đức là nền tảng để phát triển năng lực nghề nghiệp, năng lực công dân và năng lực hội nhập. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy công tác GDĐĐ ở nhiều trường đại học hiện nay còn bộc lộ không ít hạn chế: Nội dung GDĐĐ chưa theo kịp những biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội; phương pháp giáo dục còn nặng tính truyền thụ, thiếu tính trải nghiệm và tương tác; cơ chế đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức còn mang tính hình thức; sự phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội chưa thực sự hiệu quả. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng GDĐĐ, làm giảm hiệu quả định hướng giá trị và hành vi đạo đức của SV.

Bên cạnh đó, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn hiện nay đặt ra đòi hỏi ngày càng cao không chỉ về trình độ chuyên môn mà còn về đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và năng lực thích ứng của người lao động. Thực tiễn tuyển dụng cho thấy, nhiều doanh nghiệp và tổ chức sử dụng lao động coi đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và trách nhiệm xã hội là những tiêu chí quan trọng hàng đầu, thậm chí có ý nghĩa quyết định trong đánh giá chất lượng nguồn nhân lực. Điều này cho thấy, chất lượng GDĐĐ trong giáo dục đại học không chỉ tác động đến việc hình thành nhân cách người học mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực quốc gia và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh HNQT.

Vùng đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và giáo dục lớn của cả nước, nơi tập trung mật độ cao các trường đại học và SV đến từ nhiều vùng miền khác nhau. Đây vừa là khu vực có điều kiện thuận lợi để triển khai các hoạt động

GDĐĐ, vừa là môi trường chịu tác động mạnh mẽ của đô thị hóa, KTTT, toàn cầu hóa (TCH) và công nghệ số. SV trong vùng có nhiều cơ hội tiếp cận tri thức, giao lưu văn hóa và HNQT, nhưng đồng thời cũng dễ bị ảnh hưởng bởi mặt trái của cơ chế thị trường, áp lực cạnh tranh, biến đổi hệ giá trị và tác động phức tạp của mạng xã hội. Những yếu tố này làm cho vấn đề chất lượng GDĐĐ cho SV ở vùng ĐBSH trở nên điển hình, có giá trị nghiên cứu đại diện cho nhiều vấn đề chung của GDĐĐ trong giáo dục đại học Việt Nam hiện nay.

Mặt khác, các nghiên cứu thực nghiệm về GDĐĐ cho SV còn thiếu các khảo sát có tính liên vùng và hệ thống; phần lớn mới tập trung vào một số trường hoặc địa bàn cụ thể, chưa phản ánh đầy đủ đặc thù và những vấn đề đặt ra ở các vùng kinh tế - xã hội trọng điểm. Điều này gây khó khăn cho việc hoạch định chính sách và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng GDĐĐ phù hợp với từng vùng. Do đó, việc nghiên cứu chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH vừa có ý nghĩa khoa học trong việc bổ sung, hoàn thiện lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn trong việc cung cấp cơ sở cho công tác quản lý và đổi mới GDĐĐ ở các cơ sở giáo dục đại học.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định, việc lựa chọn đề tài “*Chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay*” là cần thiết và có tính cấp thiết cao cả về lý luận và thực tiễn, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và góp phần vào sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong bối cảnh HNQT sâu rộng.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng GDĐĐ cho SV, đánh giá thực trạng chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp khoa học, khả thi nhằm nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án xác định những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.
- Hệ thống hóa và luận giải cơ sở lý luận về đạo đức, SV, GDĐĐ cho SV và chất lượng GDĐĐ, các yếu tố cấu thành, các tiêu chí và các yếu tố tác động đến chất lượng GDĐĐ cho SV trong các trường đại học vùng ĐBSH.
- Khảo sát và đánh giá thực trạng chất lượng GDĐĐ cho SV tại các trường đại học vùng ĐBSH, rút ra những kết quả đạt được, hạn chế và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trong chất lượng GDĐĐ cho SV. Xác định những yêu cầu đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV trong bối cảnh đổi mới và HNQT.
- Xây dựng phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp khoa học và khả thi nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án tập trung vào ba nhóm vấn đề chính:
- + Lý luận về chất lượng GDĐĐ: Khái niệm, yếu tố cấu thành, tiêu chí và các yếu tố ảnh hưởng.

+ Thực trạng chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH và những vấn đề đặt ra: Nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức; cơ chế quản lý; môi trường giáo dục; kết quả rèn luyện đạo đức của SV.

+ Phương hướng, giải pháp nâng cao chất lượng GDĐĐ trong điều kiện đổi mới giáo dục đại học, KTTT và chuyển đổi số.

- Về không gian: Các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay (luận án tiến hành khảo sát điểm SV của 5 trường đại học: Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, Trường Đại học Y Thái Bình, Trường Đại học Hải Dương, Trường Đại học Hoa Lư).

- Về thời gian: Từ năm 2020 và định hướng các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay tầm nhìn đến năm 2030.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được tiến hành nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng, Nhà nước về chiến lược giáo dục, đào tạo tại các cơ sở đào tạo nói chung và các trường đại học vùng ĐBSH nói riêng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được sử dụng trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, bên cạnh đó sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp lịch sử - logic, phương pháp trừu tượng hóa, phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp phỏng vấn sâu.

- Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Hai phương pháp luận này là nền tảng lý luận quan trọng để nghiên cứu và nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV vùng ĐBSH. Việc sử dụng hai phương pháp giúp đề tài vừa bám sát thực tiễn phát triển XH, vừa đảm bảo tính khoa học và hệ thống trong tiếp cận nghiên cứu. Phương pháp luận duy vật biện chứng giúp quá trình nghiên cứu đảm bảo tính logic, khách quan và khoa học, tránh duy ý chí, đồng thời định hướng cách phân tích mối liên hệ, vận động và phát triển của GDĐĐ trong bối cảnh mới. Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử được vận dụng để phân tích GDĐĐ trong mối quan hệ với điều kiện kinh tế - XH và lịch sử cụ thể của vùng ĐBSH. Phương pháp luận duy vật lịch sử giúp đề tài đảm bảo tính thực tiễn và lịch sử - cụ thể, giúp các giải pháp được đề xuất có cơ sở XH vững chắc, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của GD và XH Việt Nam.

- Phương pháp thống nhất lịch sử - logic và phương pháp trừu tượng hóa: Việc sử dụng các phương pháp này giúp luận án có thể tiến sâu vào tầng bậc bản chất, nắm bắt những vấn đề có tính quy luật của quá trình giáo dục và hiểu được toàn bộ hiện thực sinh động trong tính cụ thể của nó, từ đó có những quan điểm và giải pháp tác động phù hợp vào thực tiễn chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

- Phương pháp phân tích tài liệu: Luận án sử dụng phương pháp này như là cơ sở ban đầu trong phân tích, tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án. Phương pháp này cũng giúp cho luận án có cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng GDĐĐ; phân tích các quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vấn đề GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Luận án sử dụng phương pháp này như một công cụ cơ bản để đánh giá thực trạng, thu thập thông tin bằng bảng hỏi nhằm khảo sát những

vấn đề chung nhất của chủ thể giáo dục và đối tượng giáo dục liên quan đến vấn đề chất lượng GDĐĐ. Việc sử dụng phương pháp này với mục đích có được thông tin định lượng, bổ sung cho các thông tin định tính có được từ phương pháp phân tích tài liệu cho vấn đề nghiên cứu; qua đó có bức tranh mang tính mô tả về nhận thức và hành động của cán bộ, GV và SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Được sử dụng để khái quát và hệ thống hóa những chuyển biến về nhận thức và hành động đạo đức của SV các trường đại học vùng ĐBSH; đối chiếu, so sánh kết quả học tập và rèn luyện giữa các SV của lớp học, khóa học, trường học cũng như sự thay đổi của bản thân SV qua các năm học khác nhau.

Phương pháp so sánh: Được vận dụng nhằm làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong chất lượng GDĐĐ cho SV giữa các trường đại học thuộc vùng ĐBSH, cũng như giữa các nhóm SV theo ngành đào tạo, môi trường học tập và mức độ tham gia các hoạt động GDĐĐ. Việc so sánh các chỉ báo về nhận thức, thái độ, hành vi và năng lực tự rèn luyện đạo đức giúp luận án đánh giá khách quan mức độ phát triển không đồng đều của GDĐĐ thực tiễn. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh còn được sử dụng để đối chiếu giữa yêu cầu lý luận về GDĐĐ trong giáo dục đại học với kết quả triển khai thực tế tại các nhà trường, qua đó làm rõ khoảng cách giữa mục tiêu giáo dục và hiệu quả đạt được. Kết quả so sánh là cơ sở khoa học quan trọng để xác định những vấn đề cần ưu tiên điều chỉnh trong quá trình nâng cao chất GDĐĐ cho SV.

Phương pháp kết hợp giữa lý luận với thực tiễn: Được sử dụng nhằm bảo đảm tính khoa học và tính khả thi của các kết luận nghiên cứu. Trên cơ sở các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các lý thuyết hiện đại về GDĐĐ, luận án đối chiếu với thực tiễn GDĐĐ cho SV tại các trường đại học vùng ĐBSH, qua đó kiểm chứng giá trị của lý luận, phát hiện những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn và làm cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh KTTT, HNQT và chuyển đổi số.

Phương pháp quan sát sư phạm: Được sử dụng nhằm thu thập thông tin trực tiếp về biểu hiện thái độ, hành vi và năng lực vận dụng các GDĐĐ của SV trong môi trường học đường. Thông qua quan sát hoạt động học tập trên giảng đường, sinh hoạt tập thể, tham gia các hoạt động Đoàn – Hội, hoạt động tình nguyện và các mối quan hệ XH trong NT, luận án có điều kiện đánh giá mức độ chuyển hóa từ nhận thức và thái độ đạo đức sang hành vi và thói quen đạo đức cụ thể của SV. Phương pháp này được sử dụng như một kênh kiểm chứng thực tiễn, góp phần bổ sung và đối chiếu với kết quả điều tra xã hội học, hạn chế những sai lệch có thể phát sinh từ tự đánh giá chủ quan của người được khảo sát. Qua đó, nâng cao độ tin cậy, tính khách quan và tính thực chứng trong đánh giá chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH.

Phương pháp phỏng vấn sâu: Được sử dụng nhằm thu thập thông tin định tính từ các chủ thể trực tiếp tham gia và chịu tác động của GDĐĐ, bao gồm cán bộ quản lý giáo dục, GV, cán bộ Đoàn - Hội và một bộ phận SV tiêu biểu. Thông qua phỏng vấn sâu, luận án làm rõ nhận thức, quan điểm, kinh nghiệm thực tiễn và đánh giá của các chủ thể về hiệu quả GDĐĐ, cũng như những khó khăn, hạn chế trong quá trình tổ chức và triển khai GDĐĐ tại các trường đại học vùng ĐBSH. Kết quả phỏng vấn sâu được sử dụng để giải thích, làm sâu sắc và bổ trợ cho các số liệu định lượng, góp phần làm rõ nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế trong GDĐĐ cho SV, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn vững chắc cho việc đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng GDĐĐ trong bối cảnh hiện nay.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa lý luận của đề tài

Nghiên cứu chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH có ý nghĩa lý luận quan trọng, góp phần làm rõ các vấn đề cơ bản về GDĐĐ trong giáo dục đại học hiện nay.

- Thứ nhất, Luận án hệ thống hóa và phát triển cơ sở lý luận về GDĐĐ, khái niệm chất lượng GDĐĐ, các yếu tố ảnh hưởng và tiêu chí đánh giá chất lượng GDĐĐ cho SV, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố nhà trường, gia đình, xã hội và bản thân SV với quá trình hình thành và phát triển phẩm chất đạo đức.

- Thứ hai, Luận án đóng góp vào việc xây dựng mô hình khoa học về chất lượng GDĐĐ, kết hợp lý luận truyền thống với kinh nghiệm quốc tế, làm cơ sở lý luận để phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng GDĐĐ trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

- Thứ ba, Luận án cung cấp một khung lý thuyết chuẩn hóa, có tính hệ thống và khả năng áp dụng thực tiễn, giúp các nhà quản lý giáo dục, giảng viên và các tổ chức liên quan hiểu rõ cơ chế tác động của các yếu tố đến chất lượng GDĐĐ, từ đó có cơ sở khoa học để thiết kế chương trình, phương pháp và chính sách giáo dục hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của SV đại học Việt Nam hiện nay.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Trước hết, Luận án giúp các trường đại học nhận diện được thực trạng GDĐĐ, xác định các điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế này, từ đó đưa ra các biện pháp cải thiện phù hợp với đặc thù từng cơ sở giáo dục.

Thứ hai, nghiên cứu cung cấp các giải pháp cụ thể về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và môi trường giáo dục, giúp SV phát triển toàn diện về nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức, đồng thời nâng cao năng lực tự rèn luyện và tự điều chỉnh hành vi trong học tập và đời sống.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở để các cơ quan quản lý giáo dục xây dựng hoặc điều chỉnh chính sách, chương trình đào tạo và cơ chế quản lý sinh viên, nhằm đảm bảo sự đồng bộ, hiệu quả và bền vững trong GDĐĐ.

Thứ tư, nghiên cứu cũng góp phần nâng cao nhận thức của gia đình và cộng đồng xã hội về vai trò của GDĐĐ, tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc hình thành và phát triển phẩm chất đạo đức cho SV, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập và đổi mới giáo dục hiện nay.

6. Điểm mới của luận án

Tuy đã có nhiều công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề có liên quan đến luận án chưa được nghiên cứu hoặc nghiên cứu chưa đầy đủ. Luận án có những điểm mới nổi bật về cả lý luận và thực tiễn, thể hiện sự khác biệt so với các nghiên cứu trước đây về GDĐĐ trong giáo dục đại học.

Thứ nhất, luận án góp phần xây dựng và hệ thống hóa một mô hình lý luận toàn diện về chất lượng GDĐĐ cho SV đại học; các yếu tố cấu thành và tiêu chí đánh giá chất lượng GDĐĐ; những yếu tố tác động đến chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

Thứ hai, Luận án đi vào phân tích thực trạng chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH thời gian qua trên cơ sở đánh giá những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế; Từ đó, chỉ ra những vấn đề đặt ra đối với công tác GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

Thứ ba, luận án đưa ra quan điểm và đề xuất hệ thống các giải pháp cơ bản, phù hợp, khả thi để nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH trong thời gian tới. Những điểm mới này vừa có giá trị lý luận, vừa có giá trị thực tiễn, góp phần định hướng chính sách, chiến lược giáo dục và quản lý chất lượng GDĐĐ trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án bao gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề đạo đức, GDĐĐ, GDĐĐ cho sinh viên

* *Các nghiên cứu nước ngoài*: Các công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài đã tiếp cận vấn đề đạo đức và GDĐĐ từ nhiều góc độ khác nhau, góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của GDĐĐ trong xã hội hiện đại.

Trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin, các học giả như A. Siskin khẳng định đạo đức là một hình thái YTXH, phản ánh những lề thói, tập tục và các mối quan hệ XH giữa con người với con người trong đời sống hằng ngày; đồng thời nhấn mạnh thế giới quan Mác - Lênin là nền tảng khoa học của đạo đức cộng sản. Tiếp cận từ góc độ giáo dục học, V.A. Xukhômliński đặc biệt coi trọng vai trò của GDĐĐ trong việc hình thành nhân cách con người, nhấn mạnh yêu cầu giáo dục con người biết sống đúng, hành động đúng và có thái độ đúng đối với bản thân và người khác; GDĐĐ được xem là nhiệm vụ cốt lõi xuyên suốt các bậc học nhằm phát triển toàn diện nhân cách con người.

Ở bình diện đạo đức học, các công trình của G. Bandzeladze đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản của đạo đức, làm rõ nguồn gốc XH của đạo đức, mối quan hệ giữa đạo đức với nhân cách con người và khẳng định đạo đức là phẩm giá cơ bản, là bản chất của tính người. Từ góc độ triết học XH, Xpirkin coi đạo đức là hệ thống các chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh hành vi con người, bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích XH.

Một số công trình hiện đại tiếp cận đạo đức trong mối quan hệ với KTTT và sự biến đổi xã hội, như nghiên cứu của Tom Palmer, đã làm rõ những thách thức và biến đổi của các GTĐĐ trong bối cảnh phát triển KTTT và TCH. Bên cạnh đó, các nghiên cứu ở các quốc gia XHCN như Lào và Trung Quốc nhấn mạnh vai trò của GDĐĐ cách mạng trong việc xây dựng con người mới, coi đạo đức là nền tảng tinh thần của sự phát triển đất nước, gắn GDĐĐ với xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên và công dân trong thời kỳ đổi mới.

Như vậy, các công trình tác giả nghiên cứu có giá trị về mặt lý luận liên quan đến GDĐĐ, GDĐĐ cho SV đã làm rõ: Khái niệm đạo đức, GDĐĐ, GDĐĐ cho SV; nội dung, hình thức, phương pháp GDĐĐ cho SV; tầm quan trọng của GDĐĐ cho SV; các công trình nghiên cứu đã chỉ ra tác động của HNQT, TCH, CNH, HĐH đến GDĐĐ đại học nói chung và vấn đề GDĐĐ cho SV nói riêng. Đây là cơ sở quan trọng để tác giả luận án tiếp tục làm rõ và luận giải những vấn đề lý luận liên quan đến GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

* *Các công trình trong nước*:

Các công trình nghiên cứu trong nước đã tiếp cận vấn đề đạo đức và GDĐĐ cho SV từ nhiều góc độ khác nhau. Tiêu biểu có thể kể đến các nghiên cứu của Huỳnh Khải Vinh (2001) bàn về đạo đức và hệ chuẩn giá trị XH trong bối cảnh đổi mới; Đinh Xuân Dũng (chủ biên, 2005) hệ thống hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và vai trò của GDĐĐ trong xây dựng con người; Lê Thị Tuyết Ba (2010) và Nguyễn Thế Kiệt (2012) phân tích những vấn đề đạo đức và GDĐĐ trong điều kiện KTTT ở Việt Nam hiện nay trên lập trường đạo đức học Mác - Lênin. Các công trình này đã làm rõ khái niệm, nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức, cũng như mối quan hệ giữa đạo đức với các hình thái YTXH khác, qua đó khẳng định vai trò điều chỉnh của đạo đức đối với các mối quan hệ giữa con người với con người và giữa cá nhân với XH.

Ở hướng nghiên cứu trực tiếp về SV, các công trình của Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (2013); Lê Xuân Giang, Phan Thị Hồng Duyên (2017); Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ (2018) đã tập trung phân tích vai trò, nội dung và phương thức GDĐĐ, giáo dục GTĐĐ truyền thống, đạo đức nghề nghiệp và lối sống cho SV trong nhà trường đại học. Bên cạnh đó, nhiều bài viết đăng trên Tạp chí Triết học, Tạp chí Giáo dục, Tạp chí Lý luận chính trị của Nguyễn Văn Phúc (2008), Nguyễn Thị Thọ (2013), Phạm Việt Thắng (2017)... đã làm rõ tác động của TCH, HNQT và KTTT đối với đạo đức, lối sống và GDĐĐ cho SV.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu nêu trên đã tạo dựng cơ sở lý luận quan trọng trong việc nhận thức đạo đức và GDĐĐ, góp phần khẳng định vai trò của GDĐĐ trong việc hình thành, phát triển nhân cách, lối sống và hệ giá trị của SV. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới dừng lại ở bình diện lý luận chung, định hướng nội dung hoặc khảo sát trong phạm vi ngành, cơ sở đào tạo và địa phương cụ thể; chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách hệ thống về chất lượng GDĐĐ cho SV đại học, chưa xây dựng được hệ tiêu chí và thước đo đánh giá chất lượng GDĐĐ, cũng như chưa phân tích đầy đủ sự khác biệt theo điều kiện KT- XH và đặc thù vùng miền, đặc biệt là vùng ĐBSH. Khoảng trống này chính là cơ sở khoa học và thực tiễn để luận án kế thừa, phát triển và đi sâu nghiên cứu chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học trong bối cảnh hiện nay.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng giáo dục đạo đức, chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên

Các công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến chất lượng GDĐĐ cho SV chủ yếu tiếp cận theo hướng gián tiếp, thông qua việc phân tích thực trạng đạo đức, nội dung, phương thức và hiệu quả GDĐĐ trong những bối cảnh KT - XH cụ thể. Ở hướng nghiên cứu đạo đức XH và đạo đức thanh niên trong điều kiện đổi mới, KTTT và HNQT, tiêu biểu như Nguyễn Duy Quý (2006) đã phân tích những biểu hiện tích cực và hạn chế trong đạo đức thanh niên, đồng thời chỉ ra các nguyên nhân tác động từ GD, NT, XH và công tác Đoàn, Hội. Những kết quả này góp phần làm rõ bối cảnh và các điều kiện ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng GDĐĐ, song chưa tiếp cận chất lượng GDĐĐ như một đối tượng nghiên cứu độc lập với các tiêu chí đánh giá cụ thể.

Ở hướng nghiên cứu trực tiếp về SV, các công trình của Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (2013; 2017) tập trung làm rõ vai trò, mục tiêu, nội dung và phương thức GDĐĐ, cũng như việc phát huy GTĐĐ truyền thống trong xây dựng lối sống mới cho SV trong điều kiện KTTT và HNQT. Các nghiên cứu này đã đặt nền tảng lý luận quan trọng cho việc tiếp cận chất lượng GDĐĐ thông qua mức độ phù hợp giữa mục tiêu, nội dung và phương thức giáo dục với yêu cầu hình thành và phát triển nhân cách SV, nhưng chưa xây dựng hệ tiêu chí và thước đo đánh giá chất lượng GDĐĐ một cách hệ thống.

Nhiều bài viết và công trình khoa học khác tiếp cận chất lượng GDĐĐ từ góc độ hiệu quả tác động và mức độ chuyển hóa đạo đức thành hành vi của SV dưới tác động của TCH, KTTT, MXH và CDS, tiêu biểu như các nghiên cứu của Võ Minh Tuấn (2004; 2006), Trần Thị Minh Ngọc (2014), Nguyễn Thị Diễm Hằng (2014), Vi Thái Lang (2014), Nguyễn Xuân Hồng (2017), Hoàng Thị Kim Liên (2023)... Các công trình này chỉ ra cả tác động tích cực và tiêu cực đối với đạo đức, nhân cách SV, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp GDĐĐ và phát huy vai trò của NT, GD, XH, ĐTN và ý thức tự GD của SV, qua đó gợi mở cách tiếp cận đánh giá chất lượng GDĐĐ từ kết quả và hiệu quả giáo dục.

Một số nghiên cứu và luận án tiếp cận GDĐĐ gắn với đặc thù NT, địa phương và đối tượng cụ thể, như các công trình của Nguyễn Thanh Hoàng (2019), Trần Văn Điền, Tiêu Thanh Sang (2021), Hoàng Hoàng và cộng sự (2021), Nguyễn Thị Đan Thuý (2022), Trịnh Tổ Anh (2024), Ngô Thị Phương Lan (2024), cùng các luận án của Võ Minh Tuấn (2004), Mai Thị Dung (2014), Phùng Thu Hiền (2015). Các công trình này đã khảo sát thực trạng, phân tích ý thức đạo đức, vai trò của GTĐĐ truyền thống và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho SV, qua đó làm rõ một số yếu tố và biểu hiện cấu thành chất lượng GDĐĐ trong những điều kiện cụ thể, song vẫn chưa tiếp cận chất lượng GDĐĐ như một chỉnh thể thống nhất.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nhận diện các yếu tố, điều kiện và hiệu quả tác động của chất lượng GDĐĐ đối với SV. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu, có tính hệ thống về chất lượng GDĐĐ cho SV đại học; chưa xây dựng đầy đủ hệ tiêu chí và thước đo đánh giá chất lượng GDĐĐ, cũng như chưa phân tích toàn diện sự khác biệt về chất lượng GDĐĐ theo điều kiện KT-XH và đặc thù vùng miền, đặc biệt là vùng ĐBSH. Khoảng trống này chính là cơ sở khoa học và thực tiễn để luận án tiếp tục kế thừa, phát triển và làm rõ.

1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

Các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH chủ yếu tiếp cận thông qua việc phân tích thực trạng đạo đức, lối sống; nội dung, phương thức, chủ thể và hiệu quả GDĐĐ trong những điều kiện KT-XH và văn hóa - XH đặc thù của vùng. Tiêu biểu là công trình của Lê Xuân Giang, Phạm Thị Hồng Duyên (đồng chủ biên, 2017), đã làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp GDĐĐ, lối sống cho SV qua khảo sát thực tế tại tỉnh Ninh Bình. Nghiên cứu này cung cấp những luận cứ quan trọng để xem xét chất lượng GDĐĐ từ góc độ mức độ phù hợp của nội dung, phương thức giáo dục với đặc điểm SV và điều kiện địa phương.

Một số nghiên cứu và bài viết gắn GDĐĐ với bối cảnh, điều kiện và đặc thù vùng ĐBSH, như các công trình của Lê Văn Lợi (2016), Nguyễn Thị Thu Thuý (2017), Phạm Quang Huy (2017), đã phân tích vai trò của các GTĐĐ truyền thống, tín ngưỡng, GD và giáo dục toàn diện trong việc hình thành nhân cách, lối sống của thế hệ trẻ. Tuy không nghiên cứu trực tiếp chất lượng GDĐĐ cho SV đại học, các công trình này góp phần làm rõ những yếu tố văn hóa - xã hội và môi trường giáo dục có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và chất lượng GDĐĐ ở vùng ĐBSH.

Ở hướng nghiên cứu gắn trực tiếp với GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH, các bài viết của Trần Thị Thùy Dương (2020), Nguyễn Thị Quê (2024) đã tiếp cận vấn đề nâng cao chất lượng GDĐĐ thông qua sự phối hợp giữa GD, NT và XH, cũng như

thông qua việc giáo dục GTĐĐTT cho SV trong những cơ sở đào tạo cụ thể. Các nghiên cứu này bước đầu làm rõ một số tiêu chí đánh giá chất lượng GDĐĐ như hiệu quả tác động, mức độ chuyển hóa đạo đức thành hành vi, ý thức tự rèn luyện của SV và vai trò của các chủ thể giáo dục.

Bên cạnh đó, một số luận án tiêu biểu như của Nguyễn Thị Hoàng Anh (2011), Phùng Thu Hiền (2015), Bùi Thị Hoài (2018) đã phân tích sâu thực trạng đạo đức, nội dung, phương thức, cơ chế quản lý và các điều kiện bảo đảm GDĐĐ cho SV ở các trường đại học lớn, trong đó có các cơ sở đào tạo thuộc vùng ĐBSH. Các công trình này đã tiếp cận chất lượng GDĐĐ thông qua mô hình quản lý, hiệu quả tổ chức GDĐĐ và sự phối hợp giữa các chủ thể, qua đó cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu chất lượng GDĐĐ cho SV đại học.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã cung cấp những luận cứ lý luận và thực tiễn quan trọng liên quan đến GDĐĐ cho SV và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDĐĐ ở vùng ĐBSH. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới dừng lại ở việc đánh giá thực trạng, hiệu quả hoặc đề xuất giải pháp trong phạm vi nhà trường, địa phương hoặc đối tượng cụ thể; chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách hệ thống về chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH, chưa xây dựng đầy đủ hệ tiêu chí và thước đo đánh giá chất lượng GDĐĐ gắn với đặc thù KT-XH của vùng. Khoảng trống này chính là cơ sở khoa học và thực tiễn để luận án tiếp tục kế thừa, phát triển và làm rõ.

1.2. Kết quả nghiên cứu và những vấn đề mới đặt ra luận án tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Khái quát những kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

Thứ nhất, những vấn đề lý luận về đạo đức, GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH. Các công trình nghiên cứu đã luận bàn về những vấn đề cơ bản như: Khái niệm đạo đức, GDĐĐ cho SV, ý nghĩa của việc GDĐĐ cho SV, các hình thức GDĐĐ cho SV...

Thứ hai, thực trạng chất lượng GDĐĐ cho SV đa số SV có ý thức chính trị - XH tốt có ý thức cộng đồng, tinh thần xung phong tình nguyện, lòng nhân ái sẵn sàng nhường cơm sẻ áo, xả thân vì nghĩa lớn... Bên cạnh đó, còn một bộ phận không nhỏ SV đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém đáng lo ngại: Phai nhạt lý tưởng, thờ ơ với chính trị, chạy theo lối sống thực dụng tầm thường, vi phạm pháp luật...

Thứ ba, giải pháp nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH. Hầu hết các tác giả khẳng định rằng đẩy mạnh sự gắn kết giữa GD, NT và XH là giải pháp quan trọng trong nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV. Một số tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của các tổ chức ĐTN, HSV, cần phải gần gũi SV hơn nữa, phát động nhiều phong trào hấp dẫn và sôi động để thu hút sự tham gia của họ.

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, luận án góp phần xây dựng và hệ thống hóa một mô hình lý luận toàn diện về chất lượng GDĐĐ cho SV đại học; các yếu tố cấu thành và tiêu chí đánh giá chất lượng GDĐĐ; những yếu tố tác động đến chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

Thứ hai, luận án đi vào phân tích thực trạng chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng GDĐĐ thời gian qua trên cơ sở đánh giá những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế; Từ đó, chỉ ra những vấn đề đặt ra đối với công tác GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

Thứ ba, luận án đưa ra quan điểm và đề xuất hệ thống các giải pháp cơ bản, phù hợp, khả thi để nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH trong thời gian tới. Những điểm mới này vừa có giá trị lý luận, vừa có giá trị thực tiễn, góp phần định hướng chính sách, chiến lược giáo dục và quản lý chất lượng GDĐĐ trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

Tiêu kết chương 1

Tuỳ vào cách tiếp cận và kết quả đạt được, các công trình nghiên cứu đã làm rõ nội hàm khái niệm đạo đức, bước đầu phân tích khái niệm GDĐĐ, khái lược và phân tích nội dung GDĐĐ cho SV, thực trạng GDĐĐ cho SV, phương hướng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho SV trong tình hình hiện nay. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là trong phần lớn các công trình nghiên cứu đều tập trung nghiên cứu thực trạng đạo đức của giới trẻ, SV; thực trạng GDĐĐ của các chủ thể giáo dục được thực hiện như thế nào, kết quả ra sao còn ít được đề cập. Mặt khác, nhiều công trình đã đưa ra những giải pháp góp phần cải thiện nền đạo đức XH nói chung và đạo đức cá nhân nói riêng được tốt đẹp hơn. Dù vậy, vấn đề đạo đức và chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH lại chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống từ cách tiếp cận triết học. Chính vì vậy, luận án chú trọng tiếp cận triết học, vận dụng quan điểm hệ thống, phương pháp liên ngành trong nghiên cứu GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH đáp ứng yêu cầu hiện nay.

Chương 2

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Một số khái niệm liên quan đến luận án

2.1.1. Khái niệm đạo đức

Đạo đức là một hình thái YTXH, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực XH, nhằm điều chỉnh cách đánh giá và cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ XH, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi sức mạnh của truyền thống và sức mạnh của dư luận XH.

2.1.2. Khái niệm sinh viên

SV theo quan điểm triết học Mác - Lênin, SV là lực lượng trí thức trẻ tương lai của XH, có vai trò trong việc tái sản xuất và phát triển tri thức khoa học, đồng thời là đối tượng và chủ thể của quá trình giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong những điều kiện lịch sử cụ thể.

2.1.3. Khái niệm giáo dục đạo đức cho sinh viên

GDĐĐ là quá trình chuyển những tri thức, những chuẩn mực đạo đức, từ những đòi hỏi bên ngoài của XH đối với cá nhân thành những đòi hỏi bên trong của bản thân, thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục.

Theo giáo dục học và tâm lý học, có thể thấy, GDĐĐ không phải là sự áp đặt một chiều, mà là quá trình tác động sư phạm gắn với tự giáo dục, tự rèn luyện, trong đó người học giữ vai trò trung tâm, chủ động tiếp nhận, lựa chọn và nội tâm hóa các GDĐĐ XH.

2.1.4. Khái niệm chất lượng giáo dục đạo đức

Chất lượng GDĐĐ là tổng thể những giá trị, mức độ đạt được của các yếu tố cấu thành quá trình GDĐĐ (bao gồm chủ thể, đối tượng, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục) so với mục tiêu, yêu cầu đề ra trong từng giai đoạn phát triển GD và ĐT.

2.1.5. Khái niệm chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH là mức độ đáp ứng mục tiêu GDĐĐ của NT thông qua sự phù hợp, hiệu quả của nội dung, phương pháp, hình thức và môi trường giáo dục, được thể hiện ở sự hình thành và phát triển nhận thức, thái độ, hành vi đạo đức, cũng như năng lực tự rèn luyện và trách nhiệm XH của SV trong bối cảnh đặc thù của vùng ĐBSH hiện nay.

2.2. Các yếu tố cấu thành và tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

2.2.1. Các yếu tố cấu thành chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

2.2.1.1. Chủ thể GDĐĐ

Chủ thể GDĐĐ bao gồm: Phía NT đối với GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH; vai trò ĐTN, HSV các trường đại học vùng ĐBSH; vai trò của GD trong việc GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH; vai trò của các chủ thể XH trong GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH.

2.2.1.2. Đối tượng GDĐĐ cho sinh viên các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay

Là SV các trường đại học vùng ĐBSH họ là: Lực lượng dự bị chiến lược cho đội ngũ trí thức tương lai; Chưa có “vị trí thực sự” trong cơ cấu nghề nghiệp cũng như trong cấu trúc XH; Là đối tượng đang trong quá trình hình thành và hoàn thiện nhân cách; Là lớp người sống đầy hoài bão, ước mơ và lý tưởng, luôn hướng về tương lai.

2.2.1.3. Nội dung giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

* *Giáo dục về lý tưởng, niềm tin và giá trị sống*: Lý tưởng của SV ngày nay phải là lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH; ước mơ và hoài bão của họ phải hướng tới việc phấn đấu học tập để xây dựng đất nước Việt Nam hùng mạnh “sánh vai với các cường quốc năm châu”. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, dưới sự tác động của nền KTTT và HNQT một bộ phận không nhỏ SV lại tỏ ra thờ ơ, lãnh đạm đối với con đường đi lên của đất nước, tỏ ra xa lạ với lý tưởng cách mạng. Do đó, việc rèn luyện, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ nói chung, cho SV các trường đại học vùng ĐBSH nói riêng là một trong những vấn đề quan trọng.

* *Giáo dục về đạo đức nghề nghiệp*: Hiện nay, trong công tác GDĐĐ nghề nghiệp cho SV các trường đại học vùng ĐBSH cần hướng đến những nội dung cơ bản sau: Giáo dục lòng yêu nghề, lý tưởng nghề nghiệp; Giáo dục tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, sẵn sàng làm việc bất cứ nơi đâu; Giáo dục sự tôn trọng, nhân cách con người; Giáo dục SV xây dựng nề nếp, thói quen sống có kỉ luật, trật tự theo nội quy, quy chế của trường, kỉ cương của GD và pháp luật; Giáo dục “tác phong công nghiệp”; Giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và lối sống giúp cho SV các trường đại học vùng ĐBSH.

* *Giáo dục về phẩm chất cá nhân*: Giáo dục cho SV các trường đại học vùng ĐBSH lòng yêu nước là một vấn đề có tính thời sự, cần giáo dục truyền thống yêu nước của dân tộc; Giáo dục ý thức trách nhiệm với Tổ quốc, với đất nước, với quê hương. SV phải biết đem tài năng để cống hiến cho Tổ quốc, phục vụ nhân dân, đó chính là biểu hiện tốt nhất, trực tiếp nhất của lòng yêu nước. Giáo dục lòng yêu nước lúc này là phải giáo dục nhận thức về mối quan hệ giữa công dân với nhà nước, XH, cá nhân với tập thể, có trách nhiệm đối với XH, không rơi vào tình trạng vô trách nhiệm, vô cảm, lệch lạc về lối sống và đi chệch định hướng giá trị đang diễn ra trong một bộ phận SV.

* *Giáo dục về lối sống và ứng xử*: Lối sống Hồ Chí Minh (lối sống mà Hồ Chí Minh xây dựng cho mọi người và thể hiện ngay ở bản thân mình) là lối sống có lý tưởng, đạo đức; là lối sống “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, lối sống của những người cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lối sống thể hiện qua thái độ với Tổ quốc và nhân loại cũng như trong cuộc sống giản dị và lành mạnh.

* *Giáo dục tinh thần đoàn kết và trách nhiệm XH*: Tinh thần đoàn kết ở đây, trước hết là đoàn kết cộng đồng, thông qua việc rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thông qua việc tổ chức các hoạt động chính trị XH, hoạt động chung sức vì cộng đồng cho SV. Đoàn kết gắn với trách nhiệm XH, tinh thần hợp tác, tinh thần chia sẻ trách nhiệm cộng đồng để hướng tới mục tiêu phát triển, dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh có nhiều điểm khác với đoàn kết trong truyền thống trước đây thiên về việc đem sức người, sức của chống lại với thiên tai, dịch bệnh, chống quân xâm lược.

* *Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường và phát triển bền vững*: Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho SV các trường đại học vùng ĐBSH có ý nghĩa quan trọng không chỉ với mục tiêu giáo dục toàn diện con người thế hệ mới, mà còn tạo sự lan tỏa trong cộng đồng ý thức bảo vệ môi trường, ứng xử văn minh với môi trường, để môi trường ngày một tốt hơn, hữu dụng hơn đối với con người, làm cho quan hệ giữa con người và giới tự nhiên ngày càng thân thiện. Nội dung giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho SV các trường đại học vùng ĐBSH: Giáo dục tri thức về môi trường và bảo vệ môi trường; Giáo dục tình cảm, niềm tin bảo vệ môi trường; Giáo dục hành vi bảo vệ môi trường.

2.2.1.4. Phương pháp và hình thức giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

* *Phương pháp GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH*: Đó là cách thức hoạt động của chủ thể giáo dục và đối tượng GDĐĐ SV nhằm thực hiện mục tiêu đề ra. Phương thức GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH được triển khai bằng nhiều hình thức khác nhau gồm: Phương pháp giảng dạy lý thuyết đạo đức, phương pháp thực hành đạo đức, phương pháp giáo dục bằng truyền thống và xây dựng niềm tự hào với truyền thống, qua các hoạt động của phong trào ĐTN, HSV.

* *Hình thức GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay*: Hình thức tổ chức giáo dục: Giáo dục trong tập thể, bằng tập thể và vì tập thể, đó là một nguyên lý truyền thống trong GDĐĐ từ thời xa xưa, tập thể ở đây là cộng đồng SV. Trong tập thể đó cần chú ý giáo dục đến từng cá thể, mỗi một cá thể là một SV, một chủ thể, một nhân cách. Do đó, chỉ khi giáo dục trong tập thể, bằng tập thể thì SV mới có ý thức là một thành viên trong tập thể. Ở đây là sự gắn kết giữa cái tôi cá thể và cái ta cộng đồng.

2.2.2. Các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục đạo đức sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

2.2.2.1. Nhóm tiêu chí về nhận thức đạo đức

Phản ánh mức độ hiểu biết của SV về các GTĐĐ, chuẩn mực XH, pháp luật và đạo đức nghề nghiệp; khả năng phân biệt đúng - sai, tốt - xấu; cũng như nhận thức về vai trò của đạo đức trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp. Đây là nền tảng định hướng cho việc hình thành thái độ và hành vi đạo đức đúng đắn của SV.

2.2.2.2. Nhóm tiêu chí về thái độ đạo đức

Thể hiện mức độ cam kết, ý thức tuân thủ chuẩn mực đạo đức, tinh thần trách nhiệm, trung thực, tôn trọng các giá trị văn hóa - truyền thống và thái độ hợp tác trong học tập, giao tiếp XH. Thái độ đạo đức đóng vai trò trung gian, kết nối nhận thức với hành vi đạo đức của SV.

2.2.2.3. Nhóm tiêu chí về hành vi đạo đức

Phản ánh sự hiện thực hóa nhận thức và thái độ đạo đức thông qua các hành động cụ thể trong học tập, giao tiếp XH, hoạt động ngoại khóa, tham gia cộng đồng và thực hành nghề nghiệp. Đây là thước đo trực tiếp, thực tiễn nhất để đánh giá chất lượng GDĐĐ trong môi trường đại học.

2.2.2.4. Nhóm tiêu chí năng lực tự rèn luyện và phát triển đạo đức

Thể hiện khả năng tự giác, tự đánh giá, lập kế hoạch rèn luyện, thích ứng và phát triển phẩm chất đạo đức của SV trong các bối cảnh học tập và XH khác nhau. Nhóm tiêu chí này quyết định tính bền vững của quá trình hình thành nhân cách và đạo đức SV.

Bốn nhóm tiêu chí có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại, tạo thành hệ thống đánh giá toàn diện chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay.

2.3. Các yếu tố tác động đến chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

2.3.1. Tác động của các nhân tố khách quan đến chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

2.3.1.1. Tác động tích cực của các nhân tố khách quan đến chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay

Được thể hiện qua các khía cạnh: Sự phát triển của KTTT đã mở rộng cơ hội việc làm và thực tiễn nghề nghiệp cho SV; Quá trình sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính trong khu vực ĐBSH đã góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành phát triển KT - XH; TCH và CMCN 4.0 đã mở ra không gian tri thức và giao lưu văn hoá rộng lớn, giúp SV có cơ hội tiếp cận các GTĐĐ tiên bộ của nhân loại; Sự phát triển của khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong giáo dục góp phần làm phong phú nội dung, hình thức và phương pháp GDĐĐ; mạng XH giúp SV các trường đại học vùng ĐBSH cập nhật thông tin về các vấn đề chính trị - XH, về trường, lớp rất nhanh chóng, từ đó rèn luyện tính chủ động, tích cực trong học tập, nghiên cứu khoa học.

2.3.1.2. Tác động tiêu cực của các nhân tố khách quan đến chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay

Được thể hiện qua các khía cạnh: Cùng với mặt tích cực, KTTT cũng làm nảy sinh nhiều thách thức đối với GDĐĐ; Sự phân hóa giàu nghèo và chênh lệch phát triển giữa đô thị và nông thôn trong khu vực ĐBSH; Quá trình sáp nhập hành chính và đô thị hóa nhanh làm thay đổi cấu trúc XH, giảm sự gắn bó cộng đồng, suy yếu vai trò giáo dục của GD; TCH và CMCN 4.0 mang theo sự du nhập ồ ạt của các giá trị văn hóa ngoại lai, trong đó không ít yếu tố trái ngược với thuần phong mỹ tục dân tộc; Mạng XH làm tăng nguy cơ về sự xuống cấp về đạo đức của SV các trường đại học vùng ĐBSH, làm xói mòn GTĐĐ truyền thống dân tộc.

2.3.2. Nhân tố chủ quan tác động đến chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay

2.3.2.1. Tác động của nhà trường và môi trường giáo dục của nhà trường đến chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH

Tác động tích cực

Bao gồm: NT giữ vai trò chủ thể định hướng giá trị trong quá trình GDĐĐ; Môi trường học tập trong NT là môi trường XH thu nhỏ, nơi SV trải nghiệm các quan hệ ứng xử, hợp tác, chia sẻ, tôn trọng, và đấu tranh với những biểu hiện phi đạo đức; Đội ngũ GV là nhân tố then chốt trong GDĐĐ; Xây dựng văn hóa NT coi đó là “môi trường đạo đức

mở”; Môi trường học tập số và MXH trong trường đại học ngày nay cũng mang lại cơ hội mở rộng không gian GDĐĐ.

Tác động tiêu cực

Bao gồm: Một số cơ sở đào tạo vẫn chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi những hạn chế trong quản lý và tổ chức dạy học; nội dung và phương pháp giáo dục trong một số chương trình còn thiếu tích hợp các môn học, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng sống và giáo dục GTĐĐ hiện đại; Một số GV chưa thực sự là tấm gương đạo đức cho SV; Tác động của mạng XH trong trường học cũng tiềm ẩn nguy cơ tiêu cực.

2.3.2.2. Tác động của gia đình và sự giáo dục của gia đình đến chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

Tác động tích cực

Bao gồm: GD là nền tảng đạo đức sơ khởi của mỗi con người; giáo dục GD giúp duy trì và củng cố định hướng GTĐĐ, thái độ ứng xử và hành vi đạo đức trong suốt quá trình SV trưởng thành; GD là môi trường cảm xúc đạo đức đặc biệt, nơi tình yêu thương, sự quan tâm và gắn bó giữa các thành viên giúp con người phát triển năng lực đồng cảm, chia sẻ và vị tha; Sự phối hợp giữa GD - NT - XH là điều kiện quan trọng nâng cao chất lượng GDĐĐ toàn diện.

Tác động tiêu cực

Bao gồm các khía cạnh: Sự biến đổi trong cấu trúc và chức năng GD hiện đại cũng ảnh hưởng đến hiệu quả GDĐĐ; Sự lệch chuẩn trong hành vi, mâu thuẫn và bạo lực GD là những yếu tố tiêu cực trực tiếp ảnh hưởng đến sự lệch chuẩn trong hành vi và nhận thức đạo đức của một bộ phận SV; Tác động của mạng XH và truyền thông đại chúng đã làm suy giảm ảnh hưởng của GD trong GDĐĐ.

2.3.2.3. Tác động của bạn bè và các mối quan hệ bạn bè đến chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Tác động tích cực

Bao gồm các khía cạnh: Bạn bè là môi trường XH hóa tự nhiên, gần gũi và hiệu quả nhất đối với SV; Bạn bè là nguồn động viên và phản chiếu đạo đức mạnh mẽ; Quan hệ bạn bè còn là môi trường thực hành và kiểm nghiệm GTĐĐ; Mối quan hệ bạn bè mở rộng trên không gian mạng và quốc tế cũng mang lại cơ hội học hỏi các giá trị tiến bộ, lan tỏa tinh thần nhân văn, tôn trọng sự khác biệt văn hóa và ý thức công dân toàn cầu.

Tác động tiêu cực

Bao gồm các khía cạnh: Ảnh hưởng từ nhóm bạn lệch chuẩn là vấn đề đáng quan ngại trong GDĐĐ hiện nay; Áp lực đồng đẳng trong môi trường bạn bè có thể khiến SV mất khả năng phản biện và tự định hướng hành vi; Tác động của MXH và bạn bè trực tuyến cũng đặt ra nhiều thách thức mới; SV vùng các trường đại học vùng ĐBSH khu vực có mật độ dân cư cao, đô thị hóa mạnh và giao thoa văn hóa, quan hệ bạn bè mang tính đa chiều và phức hợp hơn.

2.3.2.4. Tác động của bản thân sinh viên đến chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Tác động tích cực

Bao gồm các khía cạnh: SV là chủ thể chủ động nội tâm hóa GTĐĐ; SV có khả năng phản tỉnh và tự điều chỉnh hành vi, biết đánh giá đúng - sai, thiện - ác, nên - không nên trong ứng xử XH; Bản thân SV còn là nguồn lan tỏa ĐĐ tích cực trong cộng đồng học đường; SV các trường đại học vùng ĐBSH, nơi có truyền thống hiếu học, trọng nghĩa và nhân văn, sự tự giác, tự rèn luyện và ý thức tự khẳng định bản thân có vai trò đặc biệt quan trọng trong GDĐĐ.

Tác động tiêu cực

Bao gồm các khía cạnh: Một bộ phận SV thiếu bản lĩnh và năng lực tự định hướng giá trị, dễ bị tác động bởi lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa hoặc các xu hướng sai lệch trên MXH, dẫn tới lệch chuẩn đạo đức và suy giảm ý thức trách nhiệm; Thói quen lệ thuộc và thiếu ý thức tự rèn luyện khiến một số SV thụ động trong học tập, thiếu tinh thần tự chịu trách nhiệm, xem nhẹ việc tự tu dưỡng, làm giảm hiệu quả của quá trình GDĐĐ; Bối cảnh đô thị hóa và TCH, SV vùng ĐBSH dễ chịu áp lực về vật chất, cơ hội và giá trị sống, nếu thiếu năng lực tự cân bằng và phản tỉnh, sẽ dễ rơi vào khủng hoảng niềm tin, mâu thuẫn giữa truyền thống và hiện đại.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận án đã tập trung luận giải một cách hệ thống, toàn diện những vấn đề lý luận cơ bản về chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH. Luận án đã làm rõ các khái niệm chủ chốt như: Đạo đức, SV, GDĐĐ, chất lượng GDĐĐ, chất lượng GDĐĐ cho SV; Xác định các nhân tố cấu thành chất lượng GDĐĐ, bao gồm: Chủ thể giáo dục, đối tượng giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức giáo dục. Trên cơ sở đó, luận án đã xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng GDĐĐ cho SV, trên cơ sở đó đã phân tích các nhân tố tác động đến chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH, bao gồm: Nhân tố khách quan: Ảnh hưởng của nền KTTT định hướng XHCN, TCH, HNQT, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cùng, quá trình sáp nhập đơn vị hành chính, những biến động chính trị - XH trong nước và thế giới, tác động của MXH. Cùng các nhân tố chủ quan: NT - môi trường và môi trường học tập, GD và môi trường giáo dục GD, bạn bè và các mối quan hệ XH, cùng chính bản thân SV - chủ thể trực tiếp quyết định hiệu quả GDĐĐ.

Chương 3

CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Khái quát về sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng - đối tượng được khảo sát thực tiễn

3.1.1. Phạm vi khảo sát và thời điểm khảo sát

Luận án tiến hành khảo sát SV tại 5 trường đại học tiêu biểu của vùng ĐBSH bao gồm: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, Trường Đại học Y Thái Bình, Đại học Hải Dương, Đại học Hoa Lư. Việc lựa chọn các cơ sở đào tạo nêu trên được căn cứ vào các báo cáo công khai, báo cáo thường niên, báo cáo công tác SV của từng trường trong giai đoạn từ năm 2020 - 2025 và kết quả khảo sát. Về thời điểm khảo sát, luận án tập trung thu thập và phân tích số liệu phản ánh thực trạng GDĐĐ cho SV trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay, là giai đoạn có nhiều biến đổi quan trọng dưới tác động của đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT và bối cảnh KT - XH hiện nay. Trên cơ sở đó, các kết quả khảo sát được sử dụng để đánh giá thực trạng và làm căn cứ đề xuất giải pháp hướng tới tầm nhìn đến năm 2030.

3.1.2. Đặc điểm về giới tính, xuất thân và hoàn cảnh xã hội của sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

Thứ nhất, về độ tuổi: Phần lớn SV thuộc nhóm tuổi từ 18 đến 20, là giai đoạn chuyển tiếp giữa vị thành niên và người trưởng thành, khi nhân cách, thể giới quan và hệ giá trị sống đang dần hoàn thiện.

Thứ hai, về giới tính: Tỷ lệ nam - nữ trong SV các trường đại học vùng ĐBSH tương đối cân bằng, song có sự khác biệt theo ngành học.

Thứ ba, về khu vực xuất thân: SV trong vùng ĐBSH chủ yếu đến từ hai nguồn chính: nông thôn (chiếm khoảng 60 - 65%) và thành thị (35 - 40%), bên cạnh một tỷ lệ nhỏ sinh viên di cư học tập từ các vùng lân cận.

Thứ tư, về hoàn cảnh kinh tế - xã hội gia đình: SV các trường đại học vùng ĐBSH có sự phân tầng khá rõ về điều kiện kinh tế. Khoảng 30% SV có hoàn cảnh kinh tế ổn định, được cha mẹ hỗ trợ toàn bộ việc học; 40% thuộc nhóm trung bình và gần 30% SV có hoàn cảnh khó khăn, phải làm thêm để trang trải chi phí học tập và sinh hoạt.

Thứ năm, về bối cảnh xã hội - văn hóa vùng miền: Vùng ĐBSH là cái nôi của nền văn minh lúa nước, nơi lưu giữ nhiều GTĐĐ truyền thống như tinh thần cộng đồng, nghĩa tình, trọng đạo lý, đề cao tri thức và tinh thần hiếu học.

3.1.3. Đặc điểm tâm lý - nhận thức - hành vi của sinh viên vùng đồng bằng sông Hồng

Về tâm lý, SV trong vùng nhìn chung có tinh thần cầu tiến, yêu nước, có ý thức rõ về vai trò bản thân trong phát triển XH, song cũng dễ bị dao động bởi các yếu tố bên ngoài như mạng XH, xu hướng sống ảo, tiêu dùng phô trương.

Về nhận thức đạo đức, SV có hiểu biết tương đối đầy đủ về các chuẩn mực đạo đức cơ bản: Trung thực, trách nhiệm, tôn trọng, hợp tác... tuy nhiên sự chuyển hóa nhận thức thành niềm tin và hành vi đạo đức còn chưa tương xứng.

Về hành vi, bên cạnh bộ phận SV tích cực trong học tập, rèn luyện và tham gia hoạt động XH, vẫn tồn tại nhóm SV có biểu hiện thụ động, thờ ơ với các hoạt động chính trị - xã hội hoặc thiếu trung thực trong học tập như copy bài, gian lận thi cử...

3.1.4. Về môi trường sống - học tập và điều kiện giáo dục

SV vùng ĐBSH chủ yếu sinh hoạt trong hai hình thức: Ký túc xá tập trung và nhà trọ gần trường.

Về cơ sở vật chất, các trường đại học lớn như Kinh tế Quốc dân, Y Thái Bình, Thể dục Thể thao Bắc Ninh đã đầu tư mạnh cho cơ sở giảng dạy, phòng học, phòng thực hành, thư viện số... trong khi một số trường địa phương như Hoa Lư, Hải Dương vẫn còn hạn chế.

Môi trường sống và học tập là một trong những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc nhất đến quá trình hình thành, phát triển nhân cách và rèn luyện đạo đức của SV.

3.2. Thực trạng chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

3.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân của những kết quả đạt được trong giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

3.2.1.1. Những kết quả đạt được trong chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Trên cơ sở khảo sát xã hội học 500 sinh viên tại 05 trường đại học tiêu biểu của vùng ĐBSH (Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, Đại học Y Thái Bình, Đại học Hải Dương, Đại học Hoa Lư) trong giai đoạn 2024–2025, kết hợp với tổng hợp thực tiễn triển khai GDĐĐ trong NT, luận án cho thấy chất lượng GDĐĐ cho SV đã đạt được những chuyển biến tích cực tương đối đồng bộ theo chu trình phát triển đạo đức: Nhận thức - thái độ - hành vi - năng lực tự rèn luyện và vận dụng.

Về nhận thức đạo đức, kết quả khảo sát cho thấy 90% SV có mức độ nhận thức đạo đức từ trung bình đến cao. SV ngày càng đề cao mục đích học tập gắn với phát triển nhân

cách, công hiến và trách nhiệm XH; coi trọng vai trò của nỗ lực cá nhân, năng lực tự thân; nhận diện rõ hệ GTĐĐ cốt lõi, trách nhiệm công dân và vai trò của các chủ thể giáo dục (GD - NT - XH) trong hình thành đạo đức. Điều này cho thấy nền tảng nhận thức và định hướng GTĐĐ của SV đã được củng cố tương đối vững chắc. Kết quả này phù hợp với số liệu thứ cấp từ báo cáo công tác SV của các cơ sở đào tạo giai đoạn 202 -2025, khi tỷ lệ SV xếp loại rèn luyện từ khá trở lên chiếm đa số, còn nhóm yếu, kém chiếm tỷ lệ thấp, cho thấy nền tảng nhận thức và định hướng GTĐĐ của SV tương đối vững chắc.

Về *thái độ đạo đức*, 65% SV được đánh giá ở mức cao và rất cao, phản ánh sự chuyển biến từ “nhận biết chuẩn mực” sang “coi trọng và tự giác tuân thủ chuẩn mực”. Thái độ học tập, kỷ luật và trách nhiệm được nâng lên; thái độ hướng thiện trong quan hệ XH được củng cố; mức độ quan tâm và lo ngại trước các biểu hiện lệch chuẩn đạo đức thể hiện rõ “độ nhạy xã hội” và tự ý thức đạo đức của SV. Kết quả khảo sát về thái độ đạo đức tương thích với xu hướng ghi nhận trong các báo cáo công tác SV giai đoạn 2024-2025 của các trường trong mẫu khảo sát.

Về *hành vi đạo đức và nhân cách*, kết quả khảo sát cho thấy 70% SV đạt mức khá và tốt. Hành vi học tập có xu hướng tuân thủ chuẩn mực trung thực học thuật; kỷ cương, nề nếp NT được tăng cường thông qua các biện pháp quản lý hành vi; SV tích cực tham gia hoạt động cộng đồng, tình nguyện, phong trào Đoàn – Hội, qua đó chuyển hóa GTĐĐ thành hành động XH cụ thể. Điều này cho thấy GDĐĐ đã tác động thực chất đến hành vi và đời sống đạo đức của SV. Những kết quả này còn được củng cố bởi các số liệu thứ cấp ở phạm vi rộng. Trong thời gian qua, đã có 1.207 chương trình, cuộc thi về giáo dục chính trị – tư tưởng, giáo dục pháp luật và rèn luyện đạo đức, lối sống cho SV, thu hút 634.305 đoàn viên, SV tham gia ĐTN - HSV trong giai đoạn 2019-2024 đã thành lập 215 đội SV tình nguyện xung kích với sự tham gia của 52.080 đoàn viên, SV, tổ chức 4.121 hoạt động tình nguyện tại chỗ và triển khai 136 công trình TN. Đây là những minh chứng rõ nét cho việc mở rộng không gian “thực hành đạo đức” của SV trong đời sống XH.

Về *năng lực tự rèn luyện và vận dụng đạo đức*, 80% SV đạt mức trung bình và cao (trong đó 29% ở mức cao), phản ánh bước chuyển từ GDĐĐ theo hướng truyền thụ sang phát triển năng lực tự điều chỉnh, tự rèn luyện và vận dụng GTĐĐ trong thực tiễn học tập và đời sống. Đây là dấu hiệu cho thấy GDĐĐ đã từng bước tiệm cận yêu cầu đổi mới giáo dục đại học theo tiếp cận năng lực. Theo Báo cáo công tác SV: năm học 2024–2025, trên 85% SV tại các trường tiêu biểu trong vùng đạt xếp loại rèn luyện khá trở lên. Điều này cho thấy năng lực tự rèn luyện và vận dụng GTĐĐ của SV mang tính phổ biến, phản ánh xu hướng chung của GDĐĐ ở các trường đại học vùng ĐBSH.

Bên cạnh các chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ, hành vi và năng lực tự rèn luyện của SV, chất lượng GDĐĐ tại các trường ĐH vùng ĐBSH còn thể hiện ở việc nâng cao nhận thức về vai trò của các chủ thể giáo dục và bước đầu hình thành cơ chế phối hợp GD - NT - XH, cùng với sự cải thiện các điều kiện bảo đảm cho GDĐĐ. Sự phối hợp giữa NT với các tổ chức Đoàn - Hội và lực lượng XH góp phần mở rộng không gian GDĐĐ từ lớp học sang thực tiễn; cơ sở vật chất, môi trường giáo dục và ứng dụng CNTT từng bước được tăng cường; đội ngũ GV có chuyển biến trong đổi mới phương pháp và phát huy vai trò nêu gương. Mặc dù mức độ phối hợp và khai thác điều kiện bảo đảm còn chưa đồng bộ, những kết quả đạt được khẳng định hướng đi đúng đắn trong xây dựng môi trường GDĐĐ tổng hợp, đa chiều cho SV vùng ĐBSH.

Nhìn chung, các kết quả khảo sát và phân tích thực tiễn khẳng định chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH đã đạt được những thành tựu quan trọng,

tạo nền tảng thuận lợi để luận án tiếp tục chỉ ra hạn chế, phân tích nguyên nhân và đề xuất hệ giải pháp nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV trong bối cảnh KTTT, HNQT và chuyển đổi số hiện nay.

2.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được trong chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Thứ nhất, Đảng ủy Ban Giám đốc, Ban Giám hiệu, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Hội liên hiệp thanh niên các trường đại học vùng ĐBSH có sự chủ động, chỉ đạo kịp thời trong tổ chức các hoạt động, các phong trào, bản thân mỗi cán bộ Đoàn, Hội luôn không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, bồi dưỡng các phương pháp hoạt động Đoàn hiệu quả, phấn đấu vươn lên tự khẳng định mình trong các phong trào thực tiễn.

Thứ hai, trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện nhằm thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề giáo dục toàn diện và đồng bộ tại các trường đại học vùng ĐBSH đã được chú trọng. Bên cạnh giáo dục kiến thức, hoạt động GTĐĐ được các trường đại học vùng ĐBSH quan tâm thực hiện nhằm đào tạo SV có đủ năng lực trí tuệ, nhân cách, đạo đức đáp ứng yêu cầu công việc, yêu cầu HNQT.

Thứ ba, các tổ chức Đoàn và Hội ở các trường đại học vùng ĐBSH đã có nhiều đổi mới cả về nội dung lẫn phương thức hoạt động. Công tác Đoàn và phong trào thanh niên của các trường đại học vùng ĐBSH đã lấy giáo dục chính trị - tư tưởng làm định hướng, lấy hoạt động hỗ trợ đoàn viên, SV phát triển toàn diện làm trọng tâm trên cơ sở phát huy hiệu quả vai trò của đội ngũ đoàn viên cán bộ, xây dựng phong cách SV hiện đại, sống có lý tưởng, trách nhiệm.

Thứ tư, do kết quả phấn đấu, rèn luyện từ phía SV các trường đại học vùng ĐBSH trong quá trình tự học tập và rèn luyện mình, từ đó nâng cao nhận thức, hiểu biết về các GTĐĐ cũng như tiên phong, gương mẫu trong việc hiện thực hóa các giá trị đó bằng những hành động cụ thể.

2.2. Những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

2.2.1. Những hạn chế trong chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Mặc dù chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH đã có chuyển biến tích cực song kết quả khảo sát và phân tích thực tiễn cho thấy vẫn còn những hạn chế cần được nhận diện khách quan.

Về nhận thức đạo đức chưa đồng đều và chưa vững chắc: 90% SV đạt mức trung bình/cao nhưng vẫn còn 10% ở mức thấp và 59% dừng ở mức trung bình, cho thấy một bộ phận SV mới dừng ở nhận thức khái quát, chưa nội tâm hóa thành hệ giá trị cá nhân ổn định; trong một số trường hợp, mục tiêu học tập và trách nhiệm công dân còn chịu chi phối bởi xu hướng thực dụng.

Về thái độ đạo đức tích cực nhưng thiếu ổn định: mặc dù 65% SV ở mức cao/rất cao, vẫn còn 35% ở mức trung bình/thấp; động cơ học tập và định hướng nghề nghiệp của một bộ phận sinh viên còn thiên về lợi ích trước mắt. Khảo sát về mục đích sống cho thấy các lựa chọn “thành đạt” (33,7%), “làm giàu” (23,2%), “địa vị xã hội” (19,6%) chiếm tỷ lệ cao, trong khi “cống hiến, phụng sự xã hội” chỉ 9,3%; đồng thời còn tồn tại tình trạng học tập đôi phó (29,8%) và chưa nỗ lực (18%).

Về hành vi đạo đức có cải thiện nhưng còn biểu hiện lệch chuẩn: vi phạm chuẩn mực học đường (gian lận, đạo văn, vi phạm quy chế thi cử...) chưa được khắc phục triệt để;

thống kê giai đoạn 2019–2024 ghi nhận 985 trường hợp vi phạm quy chế thi cử (1,7%) và 775 trường hợp bị xử lý kỷ luật (trên 1,2%). Trong đời sống xã hội, một bộ phận SV chưa coi trọng đầy đủ các GTĐĐ trong quan hệ cá nhân; tỷ lệ đánh giá “bình thường/không quan trọng” đối với các giá trị như chung thủy (18,1%), hòa hợp (21,2%)... cho thấy nguy cơ lệch chuẩn trong ứng xử dưới tác động của môi trường xã hội và không gian mạng.

Về năng lực tự rèn luyện và vận dụng GTĐĐ còn chênh lệch: dù 80% SV ở mức trung bình/cao, vẫn còn 20% ở mức thấp; một bộ phận SV chưa chủ động tự học, tự quản lý thời gian, tham gia hoạt động rèn luyện còn thiếu thường xuyên; khả năng ra quyết định đạo đức và vận dụng GTĐĐ trong tình huống phức hợp còn hạn chế.

Những kết quả trên còn được củng cố bởi các số liệu thứ cấp thu thập từ báo cáo công tác SV và kết quả đánh giá điểm rèn luyện giai đoạn 2024-2025 của các trường đại học trong mẫu khảo sát.

Ngoài ra, sự phối hợp giữa GD - NT - XH điều kiện bảo đảm và ứng dụng khoa học - công nghệ trong giảng dạy, giáo dục của một bộ phận GV chưa thường xuyên, làm giảm hiệu quả tác động tổng hợp. Những hạn chế trên không phủ định các thành tựu đạt được, nhưng cho thấy khoảng cách giữa yêu cầu và kết quả, là căn cứ để luận án phân tích nguyên nhân và đề xuất hệ giải pháp nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV vùng ĐBSH trong bối cảnh KTTT, HNQT và chuyển đổi số.

2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Thứ nhất, nguyên nhân từ phía các chủ thể trong các trường đại học vùng ĐBSH có lúc, có đơn vị đã buông lỏng công tác này, không ý thức được đúng mức, tầm quan trọng của nó trong việc xây dựng chuẩn mực đạo đức cho SV trong giai đoạn hiện nay, nên đã không kịp thời can thiệp, ngăn chặn tình trạng một số SV vi phạm quy chế, có lối sống buông thả thiếu lành mạnh, sa vào các tệ nạn XH... ĐTN, HSV ở các cấp đoàn cơ sở, chi đoàn với tư cách là chủ thể GDĐĐ cho SV vẫn chưa phát huy được vai trò là trung tâm tập hợp sinh viên, đại diện tiếng nói cho SV.

Thứ hai, nguyên nhân từ nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục đạo đức tại các trường đại học vùng ĐBSH. Nội dung GDĐĐ trong một số môn học còn thiên về tính giáo huấn, chưa thể hiện được các mặt sống động, gắn liền với đạo đức truyền thống Việt Nam và hiện đại, chưa kịp thời cập nhật những nội dung thiết thực, những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn XH và trong nhận thức. Hình thức và phương pháp GDĐĐ còn nhiều bất cập, hạn chế.

Thứ ba, nguyên nhân từ phía SV các trường đại học vùng ĐBSH. Do tâm sinh lý lứa tuổi và do sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức của từng SV. SV là lứa tuổi có những nét đặc trưng về nhu cầu, sở thích, phong cách sống, lối sống, quan niệm về cuộc sống. Còn một bộ phận SV các trường đại học vùng ĐBSH chưa ý thức được điều này, dẫn đến có những hành vi lệch chuẩn đạo đức, nhầm lẫn, lúng túng trong sự nhận thức về các giá trị thực - ảo, hoặc nhận thức đúng, nhưng không vượt qua áp lực cổ vũ của đám đông dẫn đến dễ “a dua” theo số đông để giữ sự tự lợi và an toàn cho bản thân...

Thứ tư, nguyên nhân từ quá trình HNQT trong phát triển kinh tế của nước ta hiện nay. Nền kinh tế nước ta đang vận hành theo cơ chế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước, đất nước ngày càng mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế. Với sự nhạy bén và năng động của tuổi trẻ, SV các trường đại học vùng ĐBSH dễ tiếp thu với nhiều giá trị mới tiến bộ của nhân loại, đồng thời cũng dễ bị nhiễm các loại hình văn hóa không tốt,

đi ngược với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Chính điều đó tác động không nhỏ đến công tác GDĐĐ đối với SV các trường đại học vùng ĐBSH.

3.3. Những vấn đề ra trong giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng bằng sông Hồng hiện nay

3.3.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu không ngừng nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho sinh viên với khả năng hạn chế của các chủ thể giáo dục ở các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Mặc dù GDĐĐ được xác định là một nội dung quan trọng trong đào tạo đại học, song nội dung chương trình, thời lượng giảng dạy, phương pháp tổ chức dạy học và mức độ tham gia chủ động của SV chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Một bộ phận SV còn coi nhẹ các môn học về khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đạo đức học, dẫn đến hiệu quả GDĐĐ chưa tương xứng với mục tiêu đề ra.

3.3.2. Mâu thuẫn giữa nội dung giáo dục đạo đức được học tập trong các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng với thực tiễn đời sống đạo đức xã hội nhiều diễn biến phức tạp, tình trạng suy đồi đạo đức chưa bị đẩy lùi

Tác động của quá trình phát triển KTTT, của bối cảnh TCH, HNQT đã làm xuất hiện những biến đổi đa chiều trong hệ GTĐĐ của SV, trong khi nội dung GDĐĐ trong NT chậm được điều chỉnh, chưa theo kịp thực tiễn XH. Sự chênh lệch này làm gia tăng những nghịch lý trong nhận thức và hành vi đạo đức của SV.

3.3.3. Mâu thuẫn giữa mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất đạo đức trong sáng với nguy cơ suy thoái đạo đức, lối sống trong một bộ phận sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Bên cạnh nhiều SV có ý thức học tập, rèn luyện tốt, vẫn còn không ít trường hợp biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức, lối sống, thiếu lý tưởng, giảm sút trách nhiệm XH. Điều đó cho thấy khoảng cách đáng kể giữa mục tiêu giáo dục và kết quả hình thành nhân cách ở một bộ phận SV hiện nay.

3.3.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu giáo dục và điều kiện, môi trường giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

Cơ sở vật chất, hạ tầng, không gian văn hóa và các điều kiện phục vụ học tập, sinh hoạt, rèn luyện của SV ở nhiều trường còn bất cập; môi trường văn hóa đại học chưa thực sự trở thành không gian giáo dục toàn diện về tri thức, đạo đức và nhân cách, làm giảm hiệu lực của giáo dục đạo đức trong NT.

Tiểu kết chương 3

Việc GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH trong những năm vừa qua đã đạt được nhiều thành tích đáng tự hào, qua đó góp phần hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách, đạo đức, lối sống của SV các trường đại học vùng ĐBSH. Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn những hạn chế nhất định cần phải khắc phục, đẩy lùi. Những hạn chế trên là do ảnh hưởng của KTTT, TCH, HNQT, về sự GD của GD, NT và các tổ chức đoàn thể; về nội dung, khung chương trình và hình thức GD; chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể giáo dục. Điều đặc biệt quan trọng, là do chính bản thân một số ít SV các trường đại học vùng ĐBSH chưa tự giác rèn luyện, phấn đấu, thiếu ý chí rèn luyện tu dưỡng đạo đức, lối sống. Trên cơ sở thực trạng chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH, luận án chỉ ra những vấn đề đặt ra trong GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay.

Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

4.1. Phương hướng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

4.1.1. *Đảm bảo thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, truyền thống và hiện đại trong giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng*

Học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhận thức khoa học phải đồng thời kết hợp với bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, nhất là tình cảm đạo đức, hình thành và củng cố niềm tin khoa học bằng cách đưa SV tham gia vào thực tiễn lao động sản xuất và hoạt động chính trị - XH. Thống nhất lý luận với thực tiễn trong GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH thời cũng là quan điểm của Đảng ta về đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân, trong đó đặc biệt là giáo dục đại học. *Kết hợp dạy chữ, dạy nghề để dạy người, chuyển trọng tâm từ truyền thụ tri thức sang phát triển năng lực, hình thành và rèn luyện phẩm chất nhân cách.*

4.1.2. *Giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng gắn với chiến lược xây dựng môi trường lành mạnh, người tri thức tương lai*

Đạo đức SV và chiến lược GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH cần phải đặt trong chiến lược chung, tổng thể nhằm đột phá chất lượng đào tạo, giải quyết một trong “những điểm nghẽn” của phát triển là chất lượng thấp của nguồn nhân lực như Đảng ta đã xác định trong chiến lược phát triển KT - XH từ năm 2020, hướng tầm nhìn tới năm 2030. GDĐĐ và nâng cao hiệu quả GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH vừa là định hướng mục tiêu, vừa tạo ra động lực phát triển của giáo dục đại học theo tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Tạo mọi khả năng, điều kiện và cơ hội cho SV các trường đại học vùng ĐBSH đóng vai trò trung tâm và trở thành chủ thể tự giáo dục đồng thời là đối tượng giáo dục được thụ hưởng một chất lượng giáo dục tốt nhất để phát triển thực chất, mở ra triển vọng cho tự phát triển, tự hoàn thiện của bản thân họ. Có thể xem đó là triết lý giáo dục và thực hành đạo đức SV của các trường đại học vùng ĐBSH. Đòi hỏi ấy và theo phương hướng đó, tự nó đã khách quan hóa vai trò chủ đạo của các nhà giáo, của đội ngũ trí thức khoa học đồng đạo của các trường đại học vùng ĐBSH - chủ thể hàng đầu, quan trọng nhất và quyết định chất lượng GDĐĐ cho SV cũng như chất lượng GD - ĐT nói chung.

4.1.3. *Phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể, lực lượng trong chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng*

Kết hợp GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH với giáo dục GD và XH là một vấn đề có tính nguyên lý và phương pháp nhằm tạo sự thống nhất, đồng thuận, cộng đồng trách nhiệm, hỗ trợ phát triển. Thực chất của sự kết hợp này nhằm tạo ra một sức mạnh tổng lực và tổng hợp để giáo dục cho SV trong tính thống nhất, toàn vẹn các phẩm chất đạo đức phù hợp với sự phát triển và hoàn thiện đạo đức, nhân cách cho SV. Để thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp giữa NT, GD và XH trong GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH, trước hết cần thống nhất và nâng cao nhận thức của các chủ thể về tầm quan trọng của công tác phối hợp ba môi trường. Như đã nói ở trên, GDĐĐ là một quá trình không có điểm dừng, vì thế các chủ thể của ba môi trường giáo dục cần xác định sự phối hợp là công việc phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, ở mọi nơi và ở mọi thời điểm. Cụ thể: Cần xác định nội dung phối hợp giữa NT, GD và XH trong giáo dục phẩm chất và năng lực cho SV; Xác định trách nhiệm của từng môi trường trong công tác phối hợp GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH; Cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa ba môi trường.

4.2. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cách mạng cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay

4.2.1. Nâng cao nhận thức của chủ thể giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

Phát huy vai trò của Ban Giám hiệu, Ban Giám đốc (Học viện) trong quản lý chỉ đạo, xây dựng nghị quyết để thực hiện tốt GDĐĐ cho SV. Ban Giám hiệu, Ban Giám đốc là chủ thể giáo dục trong NT với đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ pháp lý được trao, là người có trách nhiệm cao nhất về mọi công việc của NT, trong đó có bốn phần GDĐĐ. Giải pháp này xác định rõ vai trò điều hành của lãnh đạo NT, Ban Giám đốc thực hiện nghị quyết của Đảng về giáo dục nói chung và GDĐĐ nói riêng.

Phát huy vai trò của GV giảng dạy các môn lý luận chính trị trong nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức SV các trường đại học vùng ĐBSH. Để nâng cao nhận thức của GV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của GDĐĐ cho SV thì trước hết GV phải thực sự là một tấm gương về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp để SV noi theo; không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và mẫu mực trong giao tiếp với đồng nghiệp, với SV và những người xung quanh.

Phát huy vai trò của ĐTN, HSV trong nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH. ĐTN là cánh tay đắc lực của Đảng, là cầu nối đưa SV đến các hoạt động tập thể. Trong các trường đại học vùng ĐBSH, Đoàn và HSV là tổ chức trực tiếp tham gia vào GDĐĐ cách mạng, lối sống cho SV, là nơi SV có thể bộc lộ tâm tư, tình cảm, ước muốn và hoài bão lý tưởng. Vì vậy, nâng cao vai trò của ĐTN có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác GDĐĐ cho SV. Tích cực nâng cao phẩm chất, năng lực cá nhân cho cán bộ Đoàn, Hội. Họ là những tấm gương sáng về đạo đức, lý tưởng, luôn thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đoàn, HSV cần có phương pháp giáo dục phong phú, đa dạng như: Tăng cường các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các cuộc thi, tọa đàm, hội nghị về GDĐĐ.

4.2.2. Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng

Đổi mới nội dung GDĐĐ không chỉ là đổi mới môn đạo đức học và các bộ môn lý luận có liên quan tới GDĐĐ, giáo dục chính trị tư tưởng trong NT mà còn là đổi mới nội dung các hoạt động giáo dục nhằm mục đích rèn luyện đạo đức SV, cả trong chính khóa lẫn ngoại khóa các hoạt động XH trong và ngoài trường với sự tham gia của tập thể SV và các tổ chức của SV, vừa do NT tổ chức vừa do SV tự tổ chức và tự quản. Đổi mới nội dung giáo dục tất yếu phải đổi mới phương pháp giáo dục, trước hết là phương pháp dạy - học, bảo đảm tạo ra những biến đổi tích cực cả ý thức lẫn tình cảm, niềm tin và hành vi đạo đức cho SV. Đổi mới nội dung dạy học các môn khoa học này để đảm bảo tăng hiệu quả GDĐĐ cho SV cần chú ý tới những điểm dưới đây: Dù tinh giản, khối lượng tri thức và thời gian giảng dạy song bắt buộc phải tuân thủ logic khoa học cho từng môn và trong tất cả các môn, trước hết là làm rõ đối tượng và phương pháp môn học, sau đó thực hiện mối liên hệ từ kiến thức đến tư tưởng và kỹ năng.

4.2.3. Phối hợp chặt chẽ giữa GD - NT - XH trong chất lượng GDĐĐ sinh viên

Việc kết hợp giữa GD, NT, XH trong nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV là một phương án quan trọng để đảm bảo phát triển toàn diện nhân cách cho SV. Ba môi trường này có vai trò khác nhau trong việc tạo lập và nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của SV. Để phát huy hiệu quả kết hợp giữa GD, NT, XH trong công tác GDĐĐ cho SV

các trường đại học vùng ĐBSH, trước mắt cần làm tốt những việc sau đây: Phải thống nhất quan điểm, chủ trương, mục đích sự kết hợp giữa giáo dục GD, NT và XH trong GDĐĐ cho SV là để góp phần hình thành phẩm chất đạo đức, lối sống, nhân cách cho SV để họ trở thành những con người thừa kế sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng”, vừa “chuyên”. GD và XH phải luôn luôn nắm bắt được những thông tin từ phía NT, có những hiểu biết các yêu cầu của NT trong việc GDĐĐ cho SV; Nâng cao tinh thần trách nhiệm của NT, GD và XH. Đây là vấn đề có ý nghĩa then chốt. Nhà trường giữ vị trí trung tâm trong phát triển tài năng, rèn luyện ý chí, trau dồi đạo đức cho SV.

4.2.4. Phát huy tính tích cực, tự giác và chủ động trong học tập, tự rèn luyện đạo đức của SV các trường đại học vùng ĐBSH hiện nay

Qua tự học SV có cơ hội liên hệ lý thuyết với thực tế, nhận thức rõ hơn về trách nhiệm công dân và vai trò của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hơn nữa, tự học khuyến khích sự chủ động và sáng tạo, giúp SV không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn phát triển những kỹ năng mềm cần thiết, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp tương lai. Tự học giúp SV phát huy tính tự giác, tích cực trong quá trình học tập, từ đó nâng cao hiệu quả học tập và phát triển bản thân. Khi SV chủ động tìm hiểu kiến thức, họ không chỉ dừng lại ở những nội dung được giảng dạy trên lớp mà còn mở rộng ra nhiều lĩnh vực khác nhau, giúp hình thành cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề. Mặt khác, hoạt động tự học còn giúp SV hình thành và phát triển tính tự giác thông qua việc lập kế hoạch học tập cá nhân, từ đó SV có thể sắp xếp thời gian và phân bổ công sức cho các môn học theo cách hợp lý nhất. Bởi vậy, giải pháp nâng cao tính tích cực, tự giác học tập, rèn luyện đạo đức cho SV các trường đại học vùng ĐBSH mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, ở chỗ, phát huy vai trò nhân tố chủ quan của họ, tác động đến sự phát triển nội tại của chủ thể, là điều kiện đảm bảo cho hiệu quả thực hiện các giải pháp GDĐĐ đồng thời là hiệu quả giáo dục đạo đức, nhân cách SV nói chung.

4.2.5. Xây dựng môi trường đại học lành mạnh và đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh

Xây dựng môi trường đại học lành mạnh, dân chủ, nhân văn, kỷ cương và thượng tôn pháp luật, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, là giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH. Việc phát huy vai trò nêu gương của GV, mở rộng không gian giáo dục thông qua hoạt động Đoàn - Hội và trải nghiệm thực tiễn góp phần hình thành nhân cách, lối sống và trách nhiệm XH của SV.

Tiểu kết chương 4

Ba nội dung của phương hướng GDĐĐ và năm nhóm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDĐĐ cho SV các trường đại học vùng ĐBSH là một hệ thống chỉnh thể, nói lên sự tương tác biện chứng giữa chủ thể và đối tượng giáo dục, giữa NT với XH, với bản thân thể hệ SV trẻ tuổi đang trưởng thành, đang từng bước hoàn thiện đạo đức và nhân cách. Các giải pháp GDĐĐ SV các trường đại học vùng ĐBSH là cơ sở thay đổi SV từ đối tượng giáo dục trở thành chủ thể giáo dục với tính tích cực, chủ động, sáng tạo và tự giác đòi hỏi không chỉ phương hướng đúng, làm cho thể SV các trường đại học vùng ĐBSH là những người có tài, có đức, trở thành những trí thức, những chuyên gia tương lai thúc đẩy sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các tiếp cận lý luận của triết học, giáo dục học, tâm lý học và khoa học quản lý giáo dục, kết hợp với khảo sát thực tiễn tại một số trường đại học tiêu biểu thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, luận án đã nghiên cứu một cách có hệ thống chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay và rút ra một số kết luận chủ yếu sau:

Thứ nhất, luận án đã làm rõ và phát triển cơ sở lý luận về chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên đại học. Luận án khẳng định chất lượng giáo dục đạo đức không chỉ thể hiện ở mức độ tuân thủ các chuẩn mực đạo đức xã hội mà còn ở sự hình thành và phát triển đồng bộ nhận thức, thái độ, hành vi và năng lực tự rèn luyện đạo đức của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học.

Thứ hai, luận án đã xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên gồm bốn nhóm tiêu chí cơ bản: nhận thức đạo đức, thái độ đạo đức, hành vi đạo đức và năng lực tự rèn luyện đạo đức. Hệ thống tiêu chí này bảo đảm tính khoa học và là cơ sở để đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức trong các trường đại học.

Thứ ba, kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đặc biệt ở phương diện nhận thức và thái độ đạo đức. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng cách nhất định giữa nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức của sinh viên; năng lực tự rèn luyện đạo đức chưa thật sự đồng đều. Luận án đồng thời chỉ ra các nhân tố tác động đến chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên, trong đó nhà trường giữ vai trò trung tâm, gia đình là nền tảng và môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng.

Thứ tư, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng, góp phần hình thành nhân cách sinh viên phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển bền vững của đất nước.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI

1. (2022), *Giáo dục đạo đức truyền thống cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học ở tỉnh Hải Dương*, *Tạp chí Quản lý nhà nước*.

(<https://www.quanlynhanuoc.vn>).

2. (2023), *Giải pháp nâng cao giáo dục lý tưởng cách mạng, khơi dậy khát vọng cống hiến cho sinh viên đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện nay*, *Tạp chí Giáo dục và xã hội* số đặc biệt tháng 9/202 (ISSN 1859-3917).

3. (2025), *Giáo dục đạo đức các mạng cho sinh viên Trường Đại học Hải Dương theo Tư tưởng Hồ Chí Minh*, *Tạp chí Giáo dục và xã hội* số 168 (229) tháng 3/2025 (ISSN 1859-3917).

4. (2025), *Giáo dục lý tưởng cách mạng, khơi dậy khát vọng cống hiến cho sinh viên các trường Đại học vùng đồng bằng sông Hồng*, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (<https://www.quanlynhanuoc.vn>).

5. (2024), *Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị góp phần xây dựng văn hóa chất lượng trong giảng dạy các môn lý luận chính trị tại trường Đại học Hải Dương*, Kỷ yếu hội thảo khoa học của Hội đồng lý luận Bộ Công an, 2024.

6. (2025), *Nâng cao giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng*, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (<https://www.quanlynhanuoc.vn>).

7. (2025), *Giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường đại học vùng đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0*, *Tạp chí Trường Đại học Hải Dương*.

8. (2025), *Giáo dục chất lượng đạo đức cho sinh viên các trường Đại học vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay”- Thực trạng và giải pháp*, *Tạp chí Quản lý nhà nước*. (<https://www.quanlynhanuoc.vn>)